

**CÔNG TY TNHH BK AUTO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BK AUTO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BK Auto Company Limited

Tên công ty viết tắt: BK Auto., Ltd

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110443188

**3. Ngày thành lập:** 08/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 19/140/1/2 đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0934 586 787

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330        |
| 3.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) + Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương; + Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc; + Ô tô chuyên dụng: xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...; + Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cạp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa. | 4511        |
| 4.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4512        |
| 5.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4513        |
| 6.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: - Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động, - Bảo dưỡng thông thường, - Sửa chữa thân xe, - Sửa chữa các bộ phận của ô tô, - Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, - Sửa tẩm chắn và cửa sổ, - Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô, - Sửa chữa, bơm vá săm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế, - Xử lý chống gỉ, - Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất.                               | 4520(Chính) |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4530        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán mô tô, xe máy<br>Chi tiết: - Bán buôn mô tô, xe máy; - Bán lẻ mô tô, xe máy                                                                                                                                                      | 4541 |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                       | 4610 |
| 10. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                         | 4661 |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                              | 4663 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                              | 8299 |
| 13. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                       | 8531 |
| 14. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Đào tạo tin học cơ bản; đào tạo kỹ năng đàm thoại, kỹ năng nói trước công chúng                                                                                                    | 8559 |
| 15. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                              | 8560 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ giữ xe (trừ hoạt động bến bãi)                                                                                                            | 9639 |
| 17. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Trang trí, thi công dàn dựng hội chợ, pano, bảng hiệu, hộp đèn, đèn chữ neon, tủ kệ, gia công mô hình quảng cáo (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, luyện cán cao su, chế biến gỗ tại trụ sở) | 7310 |
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                    | 4690 |
| 19. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                   | 4719 |
| 20. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                            | 4730 |
| 21. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                                                                             | 2011 |
| 22. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                       | 2022 |
| 23. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                               | 2029 |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                  | 4931 |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác               | 4932 |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                       | 4933 |
| 27. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                          | 5210 |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ                                                                                                                                                                              | 5224 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                  | 5229 |
| 30. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                           | 3312 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                               | 3319 |
| 32. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                    | 4101 |
| 33. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                           | 4299 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 35. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 36. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.800.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                       | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN ĐỨC DUY   | Việt Nam  | Số 19/140/1/2 đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.160.000.000         | 20,000    | 001203011092                                                                                            |         |
| 2   | TRẦN ĐỨC KIÊN  | Việt Nam  | Số 19/140/1/2 đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 4.640.000.000         | 80,000    | 035075001863                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN ĐỨC DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/11/2003

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001203011092

Ngày cấp: 15/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 19/140/1/2 đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 19/140/1/2 đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội